

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 – 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014	15 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 0200106490 và lần đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 04 tháng 7 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
Cộng	1.400.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
 Điện thoại : (0313) 731 090
 Fax : (0313) 731 007
 E-mail : PID@vosco.vn
 Mã số thuế : 0 2 0 0 1 0 6 4 9 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn (*)	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Đại lý Dầu (*)	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(*) Số liệu đã được chuyển về theo dõi tại Văn phòng Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý sơn tàu biển, dầu nhớt; Đại lý phụ tùng, thiết bị chuyên ngành hàng hải; Đại lý bán vé máy bay; Môi giới mua bán tàu biển;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Điều hành tua du lịch;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên;
- Sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa đa phương thức, bao gồm: sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Môi giới hàng hải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Bán lẻ sơn tàu biển, dầu nhớt, phụ tùng, thiết bị hàng hải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy phục vụ cho ngành hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa container; Sửa chữa thiết bị container; Sửa chữa trang thiết bị vận tải./.

WTA
F
Z
/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 44).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Chính	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2013	01 tháng 12 năm 2014
Ông Bùi Việt Hoài	Chủ tịch	11 tháng 12 năm 2014	
Ông Cao Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	11 tháng 12 năm 2014	
Ông Lê Việt Tiến	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013	
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013	
Ông Lâm Phúc Tú	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013	
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013	
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Hồng Trường	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Cao Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	14 tháng 6 năm 2013
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lâm Phúc Tú	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 11 năm 2010
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Bá Trường	Kế toán trưởng	20 tháng 8 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 77/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 44 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CHỖ
CHẤP
CHỮ VÃI
01
HÀ

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội




Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2015



Lê Văn Khoa – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		686.686.733.770	599.603.936.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	185.967.136.698	70.185.125.181
1. Tiền	111		155.967.136.698	70.185.125.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365.689.302.150	359.269.680.702
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	67.028.122.355	63.010.335.986
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	288.994.650.395	280.156.292.804
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	13.401.016.313	17.418.522.152
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.734.486.913)	(1.315.470.240)
IV. Hàng tồn kho	140		131.544.486.110	167.662.388.176
1. Hàng tồn kho	141	V.6	131.544.486.110	167.662.388.176
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.485.808.812	2.486.742.652
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.568.339.698	1.768.498.392
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	22.587.187
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1.733.854.633	417.935.183
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	183.614.481	277.721.890

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.317.904.491.343	4.671.072.323.671
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.042.706.556.884	4.423.549.976.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.032.622.311.105	4.413.413.487.172
<i>Nguyên giá</i>	222		6.587.542.922.001	7.000.348.550.593
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.554.920.610.896)	(2.586.935.063.421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9.973.189.779	10.025.433.002
<i>Nguyên giá</i>	228		10.572.868.680	10.393.368.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(599.678.901)	(367.935.678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	111.056.000	111.056.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		101.648.244.593	102.475.964.879
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	23.568.172.910	23.568.172.910
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	82.183.397.343	82.183.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(4.103.325.660)	(3.275.605.374)
V. Tài sản dài hạn khác	260		173.549.689.866	145.046.382.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	106.658.152.939	129.163.718.339
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	65.890.675.793	14.881.630.879
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.000.861.134	1.001.033.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.004.591.225.113	5.270.676.260.382

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.724.585.186.168	4.058.863.982.657
I. Nợ ngắn hạn	310		478.085.499.013	699.982.054.407
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	83.846.279.000	154.771.240.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	318.017.310.850	438.814.990.483
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	15.955.752.222	55.560.312.721
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	11.678.637.664	2.200.675.944
5. Phải trả người lao động	315		11.125.264.983	13.599.715.266
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	36.935.040.127	33.043.416.556
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	527.214.167	1.991.703.437
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.246.499.687.155	3.358.881.928.250
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	517.672.267.804	517.672.267.804
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	2.728.665.223.384	2.841.113.437.898
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.27	96.741.423	59.858.911
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		65.454.544	36.363.637
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.280.006.038.945	1.211.812.277.725
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	1.280.006.038.945	1.211.812.277.725
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.777.018.739	1.777.018.739
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.107.068	11.948.107.068
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.968.205.262	15.968.205.262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(149.687.292.124)	(217.881.053.344)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.004.591.225.113	5.270.676.260.382

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.384.105,52	2.859.879,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.904.387.887.851	2.065.921.170.211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.422.224.101	6.407.033.291
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.895.965.663.750	2.059.514.136.920
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.799.442.181.086	2.130.773.124.611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.523.482.664	(71.258.987.691)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.913.774.719	4.058.353.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	211.267.442.075	235.870.268.474
Trong đó: chi phí lãi vay	23		160.163.510.906	163.624.563.205
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	45.679.682.219	56.346.093.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	55.659.852.718	51.987.628.319
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(211.169.719.629)	(411.404.624.440)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	234.845.621.879	222.397.380.975
12. Chi phí khác	32	VI.8	6.454.303.432	9.117.542.106
13. Lợi nhuận khác	40		228.391.318.447	213.279.838.869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.221.598.818	(198.124.785.571)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(50.972.162.402)	58.827.932
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>68.193.761.220</u>	<u>(198.183.613.503)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-

Lập ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.935.217.660.410	2.187.199.004.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.569.429.554.704)	(1.696.845.548.784)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(140.192.053.273)	(166.673.381.579)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(82.792.438.101)	(122.398.616.686)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		88.845.514.548	84.653.413.865
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(109.546.747.613)	(113.327.036.246)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>122.102.381.267</i>	<i>172.607.835.565</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.810.797.781)	(283.813.270.445)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		202.097.227.808	211.323.534.267
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.649.430.169	3.161.924.448
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>200.935.860.196</i>	<i>(69.327.811.730)</i>

1/17/2015 10:13:11 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	9.097.403.285
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		470.396.750.000	932.925.694.096
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(677.773.104.410)	(985.877.513.478)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(60.290.000)	(138.352.720)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(207.436.644.410)</u>	<u>(43.992.768.817)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		115.601.597.053	59.287.255.018
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	70.185.125.181	10.754.765.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		180.414.464	143.105.142
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>185.967.136.698</u>	<u>70.185.125.181</u>

Lập ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container; Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 1.111 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.236 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

• Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là vật liệu, công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCĐN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư vào các tổ chức kinh tế được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào Công ty con và tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại thời điểm trích lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ của những năm trước được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian phân bổ cho các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của những năm trước được ghi nhận vào chi phí với thời gian tối đa không quá 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.086 VND/USD
31/12/2014: 21.373 VND/USD.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo

11/12/2014
THA
SVA
H/

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	350.804.248	408.522.144
Tiền gửi ngân hàng	155.616.332.450	69.776.603.037
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	30.000.000.000	
Cộng	185.967.136.698	70.185.125.181

2. Phải thu khách hàng

Trình bày theo đơn vị như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	53.707.855.553	47.872.710.209
Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn		454.796.359
Trung tâm Thuyền viên	11.681.311.913	11.925.699.736
Chi nhánh Quy Nhơn	293.159.654	421.058.182
Chi nhánh Quảng Ninh	502.680	235.861.797
Chi nhánh Nha Trang	16.685.260	17.589.098
Chi nhánh Hà Nội	934.067.235	1.715.422.752
Chi nhánh Đà Nẵng	171.378.603	169.077.304
Chi nhánh Cần Thơ	223.161.457	198.120.549
Cộng	67.028.122.355	63.010.335.986

3. Trả trước cho người bán

Trình bày theo đơn vị như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	285.829.591.411	279.771.580.920
Chi nhánh Quy Nhơn	3.118.482.402	313.351.060
Chi nhánh Nha Trang	38.500.000	42.025.857
Chi nhánh Hà Nội	8.076.582	29.334.967
Cộng	288.994.650.395	280.156.292.804

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn các tàu vay	2.793.303.372	5.372.444.920
Vay tiền đi công tác nước ngoài	358.532.075	315.446.560
Tiền bồi thường bảo hiểm	6.219.574.637	4.258.158.357
Quỹ ốm đau thai sản	42.174.000	46.078.900
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	106.000.000	
Bảo hành tàu Vosco Sunrise	3.338.094.929	3.338.094.929
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ, nhân viên trong Công ty	267.073.550	335.374.250
Thủ lao Hội đồng quản trị	216.500.000	340.962.035

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài khoản lưu ký chứng khoán	1.839.519	1.822.086
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng		49.200.000
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashine		2.576.373.991
Các khoản phải thu khác	57.924.231	784.566.124
Cộng	<u>13.401.016.313</u>	<u>17.418.522.152</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.315.470.240	1.531.919.463
Trích lập dự phòng bổ sung	2.683.557.211	2.393.363
Hoàn nhập dự phòng	(264.540.538)	(218.842.586)
Số cuối năm	<u>3.734.486.913</u>	<u>1.315.470.240</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	131.267.019.775	167.384.800.686
Công cụ, dụng cụ	277.466.335	277.587.490
Cộng	<u>131.544.486.110</u>	<u>167.662.388.176</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm P&I	1.263.381.698	1.351.733.229
Chi phí bảo hiểm thân tàu		31.770.163
Chi phí bảo hiểm thuyền viên		16.838.000
Chi phí bảo hiểm vỏ container	250.836.000	320.639.000
Chi phí bảo hiểm FD&D	50.122.000	45.118.000
Trả trước phí Internet	4.000.000	2.400.000
Cộng	<u>1.568.339.698</u>	<u>1.768.498.392</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.111.458.633	417.935.183
Thuế đất, tiền thuê đất nộp thừa	622.396.000	
Cộng	<u>1.733.854.633</u>	<u>417.935.183</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của cán bộ nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.454.415.918	92.213.632.377	6.872.632.549.506	6.986.112.237	61.840.555	7.000.348.550.593
Mua sắm mới	406.573.377		1.653.749.364			2.060.322.741
Thanh lý, nhượng bán			(376.839.542.557)			(376.839.542.557)
Giảm khác			(37.989.857.976)	(36.550.800)		(38.026.408.776)
Số cuối năm	28.860.989.295	92.213.632.377	6.459.456.898.337	6.949.561.437	61.840.555	6.587.542.922.001
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		997.291.738	438.185.536.305	6.795.135.982	61.840.555	446.039.804.580
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.585.307.448	43.083.534.552	2.525.550.404.816	6.653.976.050	61.840.555	2.586.935.063.421
Khấu hao trong năm	943.085.854	9.215.992.097	372.476.406.740	216.014.117		382.851.498.808
Thanh lý, nhượng bán			(376.839.542.557)			(376.839.542.557)
Giảm khác			(37.989.857.976)	(36.550.800)		(38.026.408.776)
Số cuối năm	12.528.393.302	52.299.526.649	2.483.197.411.023	6.833.439.367	61.840.555	2.554.920.610.896
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.869.108.470	49.130.097.825	4.347.082.144.690	332.136.187		4.413.413.487.172
Số cuối năm	16.332.595.993	39.914.105.728	3.976.259.487.314	116.122.070		4.032.622.311.105

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.248.792.712.604 VND và 3.975.701.693.612 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.041.668.680	351.700.000	10.393.368.680
Mua trong năm		179.500.000	179.500.000
Giảm trong năm			
Số cuối năm	10.041.668.680	531.200.000	10.572.868.680
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		92.400.000	92.400.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	270.133.595	97.802.083	367.935.678
Khấu hao trong năm	161.932.116	69.811.107	231.743.223
Số cuối năm	432.065.711	167.613.190	599.678.901
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.771.535.085	253.897.917	10.025.433.002
Số cuối năm	9.609.602.969	363.586.810	9.973.189.779

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà làm việc Chi nhánh Nha Trang.

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco ⁽ⁱ⁾		4.585.082.000		4.585.082.000
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco ⁽ⁱⁱ⁾		3.633.090.910		3.633.090.910
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng Hải Vosco ⁽ⁱⁱⁱ⁾		7.700.000.000		7.700.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco ^(iv)	1.211.760	7.650.000.000	1.009.800	7.650.000.000
Cộng		23.568.172.910		23.568.172.910

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco 17.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.585.082.000 VND, tương đương 26,97% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco là 12.414.918.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.633.090.910 VND, tương đương 24,22%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco là 11.366.909.090 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0311081202 ngày 19 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.700.000.000 VND, tương đương 51,33% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco là 7.300.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco là 23.760.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 1.211.760 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco, chiếm 51% vốn điều lệ. Trong đó số cổ phiếu góp ban đầu là 765.000 cổ phiếu, tương đương 7.650.000.000 VND; số cổ phiếu tăng do nhận cổ tức là 446.760 VND cổ phiếu.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		77.048.397.343		77.048.397.343
<i>Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam</i>	8.752.251	73.648.455.343	8.752.251	73.648.455.343
<i>Công ty Cổ phần Hàng hải SSV</i>	67.600	3.399.942.000	67.600	3.399.942.000
Đầu tư vào đơn vị khác		5.135.000.000		5.135.000.000
<i>Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines</i>		5.000.000.000		5.000.000.000
<i>Quỹ hỗ trợ phát triển</i>		135.000.000		135.000.000
Cộng		82.183.397.343		82.183.397.343

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con. Tình hình biến động như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.275.605.374	728.021.457
Trích lập dự phòng bổ sung	833.940.523	2.838.477.955
Hoàn nhập dự phòng	(6.220.237)	(290.894.038)
Số cuối năm	4.103.325.660	3.275.605.374

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi	Số cuối năm
			phí trong năm	
Chi phí sửa chữa các tàu lên đà	61.902.935.132	65.849.988.464	65.935.292.795	61.817.630.801
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.260.783.207		22.420.261.069	44.840.522.138
Cộng	129.163.718.339	65.849.988.464	88.355.553.864	106.658.152.939

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.881.630.879			14.881.630.879
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		54.148.078.674	3.139.033.760	51.009.044.914
Cộng	14.881.630.879	54.148.078.674	3.139.033.760	65.890.675.793

18. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	23.788.149.000	
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hải Phòng	60.058.130.000	154.771.240.000
Cộng	83.846.279.000	154.771.240.000
Trong đó: Gốc vay bằng USD	3.923.000,00	7.340.000,00

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	154.771.240.000	141.118.920.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	470.396.750.000	652.194.100.000
Chênh lệch do đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	498.221.000	367.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(541.819.932.000)	(638.908.780.000)
Số cuối năm	83.846.279.000	154.771.240.000

20. Phải trả người bán

Trình bày theo đơn vị như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	316.046.067.992	434.170.074.250
Chi nhánh Quy Nhơn	463.883.225	504.345.465
Chi nhánh Quảng Ninh	198.179.456	2.618.748.851
Chi nhánh Nha Trang		60.000
Chi nhánh Hà Nội	641.910.808	946.853.047
Chi nhánh Cần Thơ	667.269.369	574.908.870
Cộng	318.017.310.850	438.814.990.483

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Người mua trả tiền trước

Trình bày theo đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	12.247.087.350	53.960.398.893
Trung tâm thuyền viên	220.000.000	220.000.000
Chi nhánh Quy Nhơn	3.216.680.312	985.604.406
Chi nhánh Quảng Ninh	63.662.202	66.358.592
Chi nhánh Nha Trang	164.295.378	288.418.949
Chi nhánh Cần Thơ	43.396.980	39.531.881
Chi nhánh Hà Nội	630.000	
Cộng	15.955.752.222	55.560.312.721

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.790.330.628	13.763.966.046	4.860.141.080	10.694.155.594
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		642.860.458	642.860.458	
Thuế xuất, nhập khẩu		286.893.384	286.893.384	
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	(161.874.784)	3.489.615.836	4.285.999.073	(958.258.021)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		4.353.143.460	4.975.539.460	(622.396.000)
Các loại thuế khác		15.000.000	15.000.000	
Các khoản phí, lệ phí	154.284.917	2.340.709.238	1.663.712.697	831.281.458
Cộng	1.782.740.761	24.892.188.422	16.730.146.152	9.944.783.031

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước ^(*)	(1.733.854.633)	(417.935.183)
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>(1.111.458.633)</i>	<i>(417.935.183)</i>
<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	<i>(622.396.000)</i>	
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	11.678.637.664	2.200.675.944
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>	<i>10.694.155.594</i>	<i>1.790.330.628</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>153.200.612</i>	<i>256.060.399</i>
<i>Các khoản phí, lệ phí khác</i>	<i>831.281.458</i>	<i>154.284.917</i>
Cộng	9.944.783.031	1.782.740.761

(*) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước	10%
Cung cấp nước sinh hoạt	5%
Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư tàu biển^(*) theo điểm b, khoản 2, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

^(*) Thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại điểm 42 Mục VIII, Phần B, Phụ lục A ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% cho năm 2014, và 25% cho năm 2013.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.221.598.818	(198.124.785.571)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.953.263.547)	(2.779.878.210)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Thù lao Hội đồng quản trị	327.658.035	229.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu năm trước đã thực hiện năm nay	239.435.644	
Các khoản phạt chậm nộp thuế	10.513.504	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.091.136.990)	(2.769.442.566)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(439.733.740)	(239.435.644)
Thu nhập chịu thuế	14.268.335.271	(200.904.663.781)
Lỗi các năm trước được chuyển	(14.268.335.271)	
Thu nhập tính thuế		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		

Chi tiết lỗi được chuyển như sau:

<i>Năm phát sinh lỗi</i>	<i>Số lỗi phát sinh</i>	<i>Số lỗi được chuyển</i>	<i>Số lỗi đã chuyển</i>	<i>Số lỗi còn được chuyển</i>
Năm 2011		(270.400.000)	(270.400.000)	
Năm 2012	(36.070.321.906)	(44.952.566.556)	(13.997.935.271)	(30.954.631.285)
Năm 2013	(198.124.785.571)	(200.904.663.781)		(200.904.663.781)
Cộng	(234.195.107.477)	(246.127.630.337)	(14.268.335.271)	(231.859.295.066)

Tiền thuế đất

Công ty nộp tiền thuế đất theo quy định tại hợp đồng thuê đất và thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.093.300.000	1.951.000.000
Bảo hiểm xã hội	565.608.804	4.278.778.856
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.816.114.515	4.876.404.515
Vật tư tạm nhập		3.874.323.189
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động chưa quyết toán	12.027.655.722	8.743.122.122
Chi phí sửa chữa chưa quyết toán	834.934.194	993.720.000
Doanh thu vận tải tính cho năm sau	5.960.131.130	4.367.471.697
Cước vỏ container	7.634.898.960	
Phải trả, phải nộp khác	4.002.396.802	3.958.596.177
Cộng	<u>36.935.040.127</u>	<u>33.043.416.556</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.991.703.437	5.370.644.070
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Chi quỹ	(1.464.489.270)	(3.378.940.633)
Số cuối năm	<u>527.214.167</u>	<u>1.991.703.437</u>

25. Phải trả dài hạn khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Sunrise)	516.672.201.784	516.672.201.784
Nhiên liệu bán giao tàu (Lucky Star, Blue Star)	1.000.066.020	1.000.066.020
Số cuối năm	<u>517.672.267.804</u>	<u>517.672.267.804</u>

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	846.242.000.000	855.842.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.471.543.873.800	1.517.159.524.010
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ⁽ⁱⁱⁱ⁾	132.000.000.000	174.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(iv)	278.879.349.584	294.111.913.888
Cộng	<u>2.728.665.223.384</u>	<u>2.841.113.437.898</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND	978.242.000.000	1.029.842.000.000
Gốc vay bằng USD	81.898.808,00	85.899.243,00
(i)	Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002, 2006 và Hợp đồng vay số 02/2011/HĐTĐĐT - NHPT ngày 30 tháng 01 năm 2011 của dự án đầu tư tàu Vosco Sunrise, tổng số tiền vay 555 tỷ, thời hạn vay tối đa là 180 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 14,4 %/ năm, thời hạn trả nợ là 156 tháng, được bảo đảm bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai.	
(ii)	Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng:	
-	Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 32 triệu USD để mua tàu chở dầu Đại Nam, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất Libor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.	
-	Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu Đại Minh, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất Libor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Fortune Freighter.	
-	Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.	
-	Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, thời hạn vay đến năm 2023, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Fortune Navigator.	
(iii)	Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 2 hợp đồng tín dụng:	
-	Số 112.2009.HĐTĐ ngày 24/08/2009, số tiền vay 125,67 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay đến năm 2022, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng từ 2%/năm đến 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).	
-	Số 237.2009.HĐTĐ ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay đến năm 2022, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng từ 2%/năm đến 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).	
(iv)	Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay đến năm 2020, lãi suất 6%/năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Vĩnh An và tàu Vĩnh Hưng.	

11/3/10
c
5
M
4/09

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.841.113.437.898	2.907.717.577.280
Số tiền vay phát sinh		257.000.000.000
Chênh lệch do đánh giá lại số dư cuối năm	23.504.957.896	23.364.594.096
Số tiền vay đã trả	<u>(135.953.172.410)</u>	<u>(346.968.733.478)</u>
Số cuối năm	<u>2.728.665.223.384</u>	<u>2.841.113.437.898</u>

27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	59.858.911	1.030.979
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	96.741.423	59.858.911
Hoàn nhập trong năm	<u>(59.858.911)</u>	<u>(1.030.979)</u>
Số cuối năm	<u>96.741.423</u>	<u>59.858.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000		(7.320.384.546)	11.948.107.068	15.968.205.262	(19.697.439.841)	1.400.898.487.943
Lợi nhuận trong năm trước						(198.183.613.503)	(198.183.613.503)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm		1.777.018.739	7.320.384.546				9.097.403.285
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	1.777.018.739		11.948.107.068	15.968.205.262	(217.881.053.344)	1.211.812.277.725
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	1.777.018.739		11.948.107.068	15.968.205.262	(217.881.053.344)	1.211.812.277.725
Lợi nhuận trong năm nay						68.193.761.220	68.193.761.220
Trích lập các quỹ trong năm nay							
Số dư cuối năm nay	1.400.000.000.000	1.777.018.739		11.948.107.068	15.968.205.262	(149.687.292.124)	1.280.006.038.945

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	840.000.000.000	840.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	560.000.000.000	560.000.000.000
Cộng	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	140.000.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Là doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	664.120.913	155.192.782
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.091.136.990	2.769.442.566
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.130.442.408	1.126.290.889
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.074.408	7.427.606
Cộng	4.913.774.719	4.058.353.843

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	160.163.510.906	163.624.563.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.372.601.292	24.177.434.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.812.475.802	45.357.537.960
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	827.720.286	2.547.583.917
Chi phí tài chính khác	91.133.789	163.148.832
Cộng	211.267.442.075	235.870.268.474

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng vận tải	45.671.640.794	56.319.267.075
Chi phí khác	8.041.425	26.826.724
Cộng	45.679.682.219	56.346.093.799

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	34.201.756.190	34.083.018.655
Chi phí vật liệu quản lý	1.538.430.520	1.563.477.115
Chi phí đồ dùng văn phòng	300.708.000	288.076.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.214.803.128	1.614.099.134
Thuế, phí và lệ phí	5.784.004.470	5.004.673.702
Chi phí dự phòng	2.419.016.673	(216.449.223)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.754.924.947	3.283.786.903
Chi phí bằng tiền khác	8.446.208.790	6.366.945.160
Cộng	55.659.852.718	51.987.628.319

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	204.771.895.600	220.438.803.646
Thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	115.215.468	
Thu bồi thường bảo hiểm tàu Vĩnh Hòa	24.030.000.000	
Thu bồi thường thiệt hại đâm va tàu Lucky Star	1.640.560.095	
Thu bồi thường tổn thất tàu Đại Nam đâm va tàu Xetha Bhum	3.968.140.000	
Thu phạt vi phạm hợp đồng		1.145.540.000
Thu nhập khác	319.810.716	813.037.329
Cộng	234.845.621.879	222.397.380.975

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý và giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.674.667.792	9.115.269.379
Chi phí liên quan sự cố tàu Vĩnh Hòa	3.590.889.223	
Chi phí khác	188.746.417	2.272.727
Cộng	6.454.303.432	9.117.542.106

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	96.741.423	59.858.911
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(59.858.911)	(1.030.979)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(54.148.078.674)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.139.033.760	
Cộng	(50.972.162.402)	58.827.932



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	889.687.198.184	1.149.057.580.056
Chi phí nhân công	169.110.199.870	191.605.922.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.083.242.031	392.442.377.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	396.552.294.369	474.547.354.828
Chi phí khác	62.348.781.569	31.453.611.386
Cộng	<u>1.900.781.716.023</u>	<u>2.239.106.846.729</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn bằng Tài sản vào Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco		115.000.0000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Tại thuyết minh số V.13 đã trình bày số vốn còn phải đầu tư vào các Công ty con theo cam kết tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm:

Tên công ty con	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	12.414.918.000	12.414.918.000
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	11.366.909.090	11.366.909.090
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng Hải Vosco	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	<u>31.081.827.090</u>	<u>31.081.827.090</u>

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	3.858.854.000	4.236.076.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco		
Góp vốn vào Công ty con		115.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con	626.727.273	624.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ từ Công ty con	7.684.872.520	5.962.990.116
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	1.795.886.310	1.975.515.417
Bán hàng hóa dịch vụ cho Công ty con	22.694.466.740	29.474.025.746
Nhận lợi nhuận được chia từ Công ty con	2.081.336.990	2.310.442.566
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	26.817.633.885	30.379.086.688
Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con	732.000.000	732.000.000
Nhận cổ tức được chia từ Công ty con	1.009.800.000	459.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco		
Mua hàng hóa dịch vụ của Công ty con	2.129.875.396	2.228.266.626
Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con	2.918.800.182	6.704.352.731

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	249.852.601	
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	494.930.860	301.045.552
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco		240.006.500
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco		79.661.034
Cộng nợ phải thu	744.783.461	620.713.086
Phải trả Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển Vosco	834.934.194	887.388.411
Phải trả Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	4.566.788.546	12.449.697.139
Phải trả Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	155.793.220	
Cộng nợ phải trả	5.557.515.960	13.337.085.550

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay để đóng mới tàu		13.822.354.133
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá		13.822.354.133
Tỷ lệ vốn hóa		7,79%

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển
- Lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.885.476.034.996	10.489.628.754	1.895.965.663.750
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.885.476.034.996	10.489.628.754	1.895.965.663.750
Chi phí bộ phận	1.889.408.706.364	11.373.009.659	1.900.781.716.023
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.932.671.368)	(883.380.905)	(4.816.052.273)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.816.052.273)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.913.774.719
Doanh thu hoạt động tài chính	4.769.501.238	144.273.481	4.913.774.719
Chi phí tài chính	211.160.200.523	107.241.552	211.267.442.075
Thu nhập khác	234.716.242.694	129.379.185	234.845.621.879
Chi phí khác	6.454.303.432		6.454.303.432
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(50.972.162.402)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(50.972.162.402)		(50.972.162.402)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.910.731.011	(716.969.791)	68.193.761.220
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	68.089.811.205		68.089.811.205
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	448.497.170.851	521.363.975	449.018.534.826
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	25.628.904.213	38.093.815	25.666.998.028

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.048.090.753.984	11.423.382.936	2.059.514.136.920
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.048.090.753.984	11.423.382.936	2.059.514.136.920
Chi phí bộ phận	2.225.024.151.285	14.082.695.444	2.239.106.846.729
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(176.933.397.301)	(2.659.312.508)	(179.592.709.809)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(176.933.397.301)	(2.659.312.508)	(179.592.709.809)
Doanh thu hoạt động tài chính	3.950.548.746	107.805.097	4.058.353.843
Chi phí tài chính	235.812.466.183	57.802.291	235.870.268.474
Thu nhập khác	222.136.036.886	261.344.089	222.397.380.975
Chi phí khác	9.117.542.106		9.117.542.106
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	58.827.932		58.827.932
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(195.835.647.890)	(2.347.965.613)	(198.183.613.503)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	500.040.281.074		500.040.281.074
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	469.698.220.702	1.081.278.285	470.779.498.987
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	42.063.984.800	2.393.363	42.066.378.163

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.816.143.609.965	20.908.694.762	4.837.052.304.727
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	167.538.920.386		167.538.920.386
Tổng tài sản			5.004.591.225.113
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.713.745.017.900	10.312.954.101	3.724.057.972.001
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	527.214.167		527.214.167
Tổng nợ phải trả			3.724.585.186.168

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.133.243.366.098	20.075.298.526	5.153.318.664.624
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	117.357.595.758		117.357.595.758
Tổng tài sản			5.270.676.260.382
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.046.103.873.209	10.768.406.011	4.056.872.279.220
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	1.991.703.437		1.991.703.437
Tổng nợ phải trả			4.058.863.982.657

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	575.767.380.302	387.547.949.757
Khu vực nước ngoài	1.320.198.283.448	1.671.966.187.163
Cộng	1.895.965.663.750	2.059.514.136.920

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	20.677.532.812	94.094.807.242	1.468.917.389.763	969.722.929.849
Khu vực nước ngoài	47.412.278.393	405.945.473.832	3.368.134.914.964	4.183.595.734.775
Cộng	68.089.811.205	500.040.281.074	4.837.052.304.727	5.153.318.664.624

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều tổ chức nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.967.136.698				185.967.136.698
Phải thu khách hàng	63.293.635.442			3.734.486.913	67.028.122.355
Các khoản phải thu khác	13.918.303.897				13.918.303.897
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343				82.183.397.343
Cộng	345.362.473.380			3.734.486.913	349.096.960.293
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.185.125.181				70.185.125.181
Phải thu khách hàng	61.694.865.746			1.315.470.240	63.010.335.986
Các khoản phải thu khác	18.419.555.552				18.419.555.552
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343				82.183.397.343
Cộng	232.482.943.822			1.315.470.240	233.798.414.062

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	318.017.310.850			318.017.310.850
Vay và nợ	152.871.771.745	1.677.820.607.916	981.819.122.723	2.812.511.502.384
Các khoản phải trả khác	17.288.344.471	517.672.267.804		534.960.612.275
Cộng	488.177.427.066	2.195.492.875.720	981.819.122.723	3.665.489.425.509

UAAI
CH
C
YACH
EM TC
A
TA
NG E

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	438.814.990.483			438.814.990.483
Vay và nợ	292.031.400.000	1.378.509.561.068	1.325.343.716.830	2.995.884.677.898
Các khoản phải trả khác	13.703.043.881	517.672.267.804		531.375.311.685
Cộng	744.549.434.364	1.896.181.828.872	1.325.343.716.830	3.966.074.980.066

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế và vay vốn Ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh và mua mới tàu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.384.105,52		2.859.879,65	
Phải thu khách hàng	1.829.083,79		1.547.886,14	
Các khoản phải thu khác	122.432,11		249.191,32	
Phải trả người bán	(5.862.496,61)		(11.846.193,88)	
Vay và nợ	(85.821.808,00)		(93.239.243,00)	
Các khoản phải trả khác	(72.520,18)		(100.015,2)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(88.421.203,37)		(100.528.494,97)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 29.481.291.523 VND (năm trước giảm/tăng 31.796.157.674 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.000.000.000			
Vay và nợ	(132.000.000.000)	(85.821.808,00)	(174.000.000.000)	(93.239.243,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(102.000.000.000)	(85.821.808,00)	(174.000.000.000)	(93.239.243,00)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.591.200.000 VND (năm trước giảm/tăng 3.480.000.000 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 14.307.302.119 VND (năm trước giảm/tăng 19.660.426.779 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ. Các khoản đầu tư của Công ty đều là dài hạn, nhằm mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HAI
PHONG
VẬN
TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.967.136.698		70.185.125.181		185.967.136.698	70.185.125.181
Phải thu khách hàng	67.028.122.355	(3.734.486.913)	63.010.335.986	(1.315.470.240)	63.293.635.442	61.694.865.746
Các khoản phải thu khác	13.918.303.897		18.419.555.552		13.918.303.897	18.419.555.552
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343		82.183.397.343		82.183.397.343	82.183.397.343
Cộng	349.096.960.293	(3.734.486.913)	233.798.414.062	(1.315.470.240)	345.362.473.380	232.482.943.822

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	318.017.310.850	438.814.990.483	318.017.310.850
Vay và nợ	2.812.511.502.384	2.995.884.677.898	2.812.511.502.384	2.995.884.677.898
Các khoản phải trả khác	534.960.612.275	531.375.311.685	534.960.612.275	531.375.311.685
Cộng	3.665.489.425.509	3.966.074.980.066	3.665.489.425.509	3.966.074.980.066

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn